TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁI BÈ** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 27/02/2025
V/v tranh chấp "Ly hôn và nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

**** Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Văn Sâm**.

- *Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Ông **Huỳnh Văn Dũng**

2. Ông **Võ Văn Cường**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Lê Thị Kim N** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang: Không tham gia phiên tòa*.

Ngày 27 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 629/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2024 về việc tranh chấp *"Xin Ly hôn và nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Trần Thị N,** sinh năm: 1998.

Địa chỉ: Ấp K, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Anh **Lê Hoàng Q,** sinh năm: 1991.

Địa chỉ: Ấp K, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Chị N và anh Q vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo Đơn khởi kiện đề ngày 06/11/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị N trình bày:* Chị và anh Lê Hoàng Q xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2015 và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Hậu Thành. Sau khi cưới, vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng giữa 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh Q không lo làm ăn, không quan tâm gì đến gia đình, vợ chồng thường xuyên cãi vã, từ đó cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Anh, chị đã chính thức ly thân từ khoảng giữa năm 2023 đến nay. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh Q.

Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Trần Trúc L, sinh ngày 05/02/2018 và Lê Trần Tuấn P, sinh ngày 01/11/2022. Hiện 02 con chung đang sống với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu tiếp tục nuôi hết 02 con chung và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

* *Bị đơn anh Lê Hoàng Q không cung cấp ý kiến cũng như lời khai đối với việc kiện*.

* Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. **Về tố tụng**:

- *Về thẩm quyền giải quyết vụ án*: Chị N có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn và tranh chấp về việc nuôi con chung của chị và anh Q theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện. Bị đơn trong vụ án có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại xã H, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- *Về quan hệ tranh chấp*: Chị N yêu cầu xin ly hôn với anh Q và yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung của chị và anh Q, nên xác định đây là tranh chấp Xin ly hôn và nuôi con chung theo quy định tại các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

- *Về việc vắng mặt của đương sự*: Chị N là nguyên đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt theo đơn đề ngày 13/01/2025. Xét yêu cầu xin vắng mặt của chị N là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Q là bị đơn đã được Toà án triệu tập hợp lệ để dự phiên tòa xét xử việc chị N khởi kiện đến lần thứ hai, nhưng anh vẫn vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ vào quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị N và anh Q.

[2]. **Về nội dung vụ án**:

[2.1]. *Về quan hệ hôn nhân:*

- Chị Trần Thị N và anh Lê Hoàng Q xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2015 và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Hậu Thành theo Giấy chứng nhận kết hôn số 77 ngày 28/7/2017. Sau khi cưới, vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng giữa 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh Q không lo làm ăn, không quan tâm gì đến gia đình, vợ chồng thường xuyên cãi vã, từ đó cuộc

sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Anh, chị đã chính thức ly thân từ khoảng giữa năm 2023 đến nay.

Anh Q là bị đơn đã được Tòa án thông báo và triệu tập hợp lệ nhiều lần để hoà giải và xét xử việc chị N kiện, nhưng anh vẫn vắng mặt không lý do và cũng không cung cấp ý kiến cũng như lời khai đối với việc kiện, chứng tỏ anh cũng không còn quan tâm đến quan hệ vợ chồng giữa anh và chị N, đồng thời xem như anh từ bỏ quyền bảo vệ quyền lợi của mình.

- Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị N là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N và cho chị N được ly hôn với anh Q là phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. *Về con chung*:

- Về yêu cầu nuôi con chung: Chị N và anh Q có 02 con chung tên Lê Trần Trúc L, sinh ngày 05/02/2018 và Lê Trần Tuấn P, sinh ngày 01/11/2022. Hiện 02 con chung đang sống với chị N. Khi ly hôn, chị N yêu cầu tiếp tục nuôi hết 02 con chung.

Xét thấy, hai con chung của chị N và anh Q còn nhỏ. Cháu P dưới 36 tháng tuổi. Còn cháu L thì có nguyện vọng được sống với chị N. Từ khi vợ chồng ly thân đến nay, hai con chung đều do chị N nuôi dưỡng. Do vậy, để đảm bảo sự phát triển tốt nhất cho các con chung cũng như tránh xáo trộn tâm sinh lý của các con chung xét thấy cần giao hết hai con chung tên Lê Trần Trúc L, sinh ngày 05/02/2018 và Lê Trần Tuấn P, sinh ngày 01/11/2022 cho chị N nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[2.3]. *Về tài sản chung*: Không có, nên không đặt ra xem xét.

[2.4]. *Về nợ chung*: Không có, nên không đặt ra xem xét.

[3]. **Về án phí**: Chị N là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4]. **Về quyền kháng cáo**: Chị N và anh Q được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị N.

- Cho chị Trần Thị N được ly hôn với anh Lê Hoàng Q.

2. *Về con chung*:

- Chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của chị Trần Thị N.

Giao hết hai con chung tên Lê Trần Trúc L, sinh ngày 05/02/2018 và Lê Trần Tuấn P, sinh ngày 01/11/2022 cho chị Trần Thị N tiếp tục nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Sau khi ly hôn, anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định pháp luật.

3. *Về tài sản chung*: Không có, nên không đặt ra xem xét.

4. *Về nợ chung*: Không có.

5. *Về án phí sơ thẩm:*

- Chị Trần Thị N chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp theo biên lai thu số 0016095 ngày 06/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, xem như chị N đã thi hành xong phần án phí.

6. *Về quyền kháng cáo*:

- Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Cái Bè;
- CCTHADS huyện Cái Bè;
- UBND xã Hậu Thành;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Sâm